

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

 NGUYỄN QUỐC VIỆT*

Ngày nhận: 25/5/2021

Ngày phản biện: 15/6/2021

Ngày duyệt đăng: 01/7/2021

Tóm tắt: Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) là ngân hàng chính sách được Chính phủ thành lập với mục đích cấp tín dụng nhà nước cho một số lĩnh vực trọng điểm mà Nhà nước cần phát triển. Tuy nhiên, hoạt động cấp tín dụng của VDB còn tồn tại một số hạn chế, gây ra tỷ lệ nợ xấu cao, thâm hụt vốn chủ sở hữu lớn. Trong nội dung bài viết, tác giả nghiên cứu thực trạng hoạt động của VDB, kinh nghiệm hoạt động của một số Ngân hàng Phát triển trên thế giới, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cho VDB.

Từ khóa: Nâng cao chất lượng hoạt động; Ngân hàng Phát triển Việt Nam

ENHANCING BUSINESS PERFORMANCE OF VIETNAM DEVELOPMENT BANK

Abstract: Vietnam Development Bank (VDB) is a policy bank which was established by Vietnamese government. The main function of VDB is distributing state credit for the key fields which the government develops. However, extending credit in VDB has revealed some drawbacks, which results in the high non-performing loan rate and huge financial deficit. This article serves to evaluate the practice in business performance of VDB and do research on experiences of operations of some development bank in the world, which enables author to put forward some solutions for enhancing business performance of this bank.

Keywords: Enhancing business performance; Vietnam Development Bank

1. Đặt vấn đề

Chất lượng hoạt động của Ngân hàng phát triển chính là mối tương quan giữa lợi ích ngân hàng đem lại với các hao phí ngân hàng phải bỏ ra, để đạt được mục tiêu hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia trong từng thời kỳ nhất định.

Chất lượng hoạt động của Ngân hàng phát triển phải được xem xét trên 2 góc độ là hiệu quả kinh tế - xã hội, tức là sự đóng góp của Ngân hàng phát triển đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và hiệu quả tài chính, tức là khả năng sinh lời và an toàn trong hoạt động của ngân hàng. Trong đó khả năng sinh lời và an toàn được coi là phương tiện và điều kiện để Ngân hàng phát triển đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội.

2. Vai trò của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đối với phát triển kinh tế - xã hội

VDB là Ngân hàng chính sách, được thành lập theo Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại hệ thống Quỹ Hỗ trợ phát triển để thực hiện chính sách

tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, không vì mục tiêu lợi nhuận. Là cơ quan thực hiện nhiệm vụ cấp tín dụng của Nhà nước, hoạt động của VDB đóng vai trò quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội bởi lẽ một số lĩnh vực, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án sản xuất, sử dụng năng lượng sạch và công nghệ cao gặp khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn thương mại của các tổ chức tín dụng (TCTD). Nguyên nhân do: (i) Quy định pháp lý liên quan đến sản xuất, đầu ra sản phẩm thuộc một số lĩnh vực (năng lượng tái tạo, công nghệ...) còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc các TCTD còn e ngại trong cấp tín dụng; (ii) Các lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng của xã hội (giao thông, giáo dục, y tế) có thời gian thu hồi vốn chậm nên thời hạn để nghị vay vốn dài, nhu cầu vay lớn. Điều này khiến các TCTD khó sắp xếp, cân đối nguồn vốn; (iii) Lãi suất cho vay mà các TCTD áp dụng là lãi suất cho vay thương mại, gây khó khăn cho chủ đầu tư trong

* Trường Đại học Công đoàn

quá trình triển khai dự án. Trong khi đó, đây là những lĩnh vực cần phát triển để hướng tới kinh tế - xã hội phát triển bền vững, đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia; đồng thời, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và khắc phục các hậu quả ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.

Như vậy, có thể thấy, việc nâng cao chất lượng hoạt động của VDB là cơ sở để VDB cấp tín dụng cho nhiều dự án nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là phát triển bền vững theo các Hiệp định quốc tế về chống biến đổi khí hậu mà Chính phủ đã ký kết.

3. Thực trạng hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Khác với các TCTD thông thường tại Việt Nam, VDB là ngân hàng chính sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. VDB được Ngân sách Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý, được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán, không phải duy trì dự trữ bắt buộc và tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn nộp thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

Theo quy định của Chính phủ, VDB được thực hiện các nhiệm vụ sau

Về nguồn vốn, bên cạnh vốn chủ sở hữu được NSNN cấp, VDB thực hiện huy động vốn thông qua phát hành GTCG (kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi); nhận tiền gửi ủy thác từ các tổ chức và vay vốn từ các TCTD khác, NHNN, Bảo hiểm tiền gửi.

Bảng 1: Nguồn vốn của VDB giai đoạn 2015 - 2018

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2015		2016		2017		2018	
	ST (tỷ đồng)	T.trọng (%)	ST (tỷ đồng)	T.trọng (%)	ST (tỷ đồng)	T.trọng (%)	ST (tỷ đồng)	T.trọng (%)
Tổng nguồn vốn	325.929	100%	306.540	100%	304.699	100%	293.374	100%
Trong đó								
VCSH	19.065	6%	16.621	5%	15.952	5%	15.937	5%
Phát hành GTCG	127.653	39%	126.292	41%	129.282	42%	118.407	40%
Nhận ủy thác	146.441	45%	135.292	44%	139.353	46%	136.032	46%
Vốn khác	32.770	10%	28.335	9%	20.112	7%	22.998	8%

Nguồn: [1]

Nguồn vốn của VDB trong giai đoạn này có xu hướng giảm nhẹ do: (i) VDB phải sử dụng vốn chủ sở hữu để bù đắp một số khoản vay không thu hồi được vốn; (ii) Vốn ủy thác của các tổ chức, đặc biệt là các tổ chức tài chính quốc tế có xu hướng giảm. Trong cơ cấu nguồn vốn, có thể thấy VDB phụ thuộc

chủ yếu vào phát hành GTCG và nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức tài chính quốc tế. VDB là ngân hàng phát hành GTCG lớn nhất trong hệ thống ngân hàng, đứng thứ hai trong nền kinh tế (sau Kho bạc Nhà nước) trong giai đoạn vừa qua.

Về hoạt động sử dụng vốn, VDB thực hiện cấp tín dụng chính sách tín dụng của Nhà nước; cho vay theo các chương trình, dự án do Chính phủ giao; cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ; bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) vay vốn tại các NHTM. Tuy nhiên, theo chỉ đạo của Chính phủ, VDB đã dừng nghiệp vụ bảo lãnh tín dụng cho DNVVN từ năm 2018. Thông qua hoạt động tín dụng, VDB đã tài trợ vốn cho nhiều dự án trọng điểm của Chính phủ như: đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà ga T2 - Sân bay Nội Bài, Nhà máy Thủy điện Sơn La, các dự án điện nguồn và truyền tải điện quốc gia...

Bảng 2: Hoạt động tín dụng của VDB giai đoạn 2015 - 2018

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2015		2016		2017		2018	
	ST (tỷ đồng)	T.trọng (%)	ST (tỷ đồng)	T.trọng (%)	ST (tỷ đồng)	T.trọng (%)	ST (tỷ đồng)	T.trọng (%)
Tổng dư nợ	289.604	100%	278.448	100%	267.103	100%	253.555	100%
Trong đó								
Nợ quá hạn	9.869	3,4%	11.587	4,2%	11.895	4,5%	17.153	6,8%
Nợ khoanh	5.070	1,8%	3.427	1,2%	5.624	2,1%	1.562	0,6%

Nguồn: [1]

Nguồn vốn có xu hướng giảm kéo theo khả năng cấp tín dụng của VDB giảm trong toàn giai đoạn. Cùng với đó, từ bảng số liệu, có thể thấy, chất lượng tín dụng của VDB có xu hướng giảm, tỷ lệ nợ quá hạn tăng trong toàn giai đoạn. Điều này là do: (i) Công tác thẩm định, phê duyệt tín dụng tại VDB còn tồn tại hạn chế. Thực tế hiện nay, hoạt động cấp tín dụng của VDB chưa tuân thủ mô hình 3 vòng kiểm soát, dẫn tới việc thẩm định, phê duyệt cũng như kiểm soát rủi ro trong quá trình cho vay của VDB chưa thật sự chặt chẽ. VDB chưa kịp thời trong phát hiện các rủi ro tín dụng tiềm ẩn để đưa ra biện pháp xử lý rủi ro phù hợp; (ii) Đến nay, VDB chủ yếu cấp tín dụng trung dài hạn, không cấp tín dụng ngắn hạn bổ sung vốn lưu động cũng như các sản phẩm bảo lãnh cho khách hàng. Do vậy, đối với cùng một dự án, khách hàng vay vốn trung dài hạn tại VDB nhưng vẫn phải sử dụng thêm các sản phẩm tín dụng

(vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh) tại các NHTM khác. Điều này dẫn tới việc VDB gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền của khách hàng cũng như thu hồi nợ; (iii) VDB chủ yếu thực hiện cho vay trung dài hạn đối với các dự án có nhu cầu vay lớn, thời gian thu hồi vốn chậm nên khi rủi ro xảy ra, mức độ tổn thất của VDB lớn.

4. Kinh nghiệm nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng Phát triển một số nước trên thế giới

Trong thời gian tới, để nâng cao vai trò của VDB trong phát triển kinh tế - xã hội, cần cứ chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, VDB hướng trọng tâm hoạt động vào mở rộng tín dụng đối với phát triển hạ tầng và các lĩnh vực năng lượng sạch, ứng dụng công nghệ cao. Do vậy, trong phạm vi bài viết, tác giả nghiên cứu kinh nghiệm của 2 Ngân hàng Phát triển trên Thế giới đã thành công trong các lĩnh vực này

Kinh nghiệm của Ngân hàng Phát triển Trung Quốc (CDB) trong cho vay phát triển hạ tầng

CDB là Ngân hàng chính sách, trực thuộc Chính phủ Trung Quốc, được thành lập năm 1994 với chức năng chủ yếu là cấp tín dụng trung dài hạn cho các dự án trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế trung dài hạn của Trung Quốc. Là một ngân hàng hoạt động vì mục tiêu xã hội nhưng hiệu quả hoạt động kinh doanh của CDB ở mức tốt với tỷ lệ ROA, ROE lần lượt là 0,73% và 8,80%, tỷ lệ nợ xấu 0,95% [2]. Trong hơn 20 năm hình thành và phát triển, CDB đã đóng góp đáng kể vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng và tài chính của Trung Quốc. Để thực hiện cấp tín dụng hỗ trợ phát triển nền kinh tế, CDB thực hiện mục tiêu hỗ trợ khách hàng nâng cao năng lực tài chính. Theo đó, CDB đã thiết lập cơ chế vận hành cấp tín dụng gồm 4 giai đoạn: lập kế hoạch, lựa chọn dự án, hỗ trợ dự án và đầu ra của dự án.

- Lập kế hoạch: CDB làm việc với chính quyền địa phương và chủ các dự án. Để giảm các dự án không hiệu quả hoặc dự án bị trùng lặp và nâng cao khả năng thu hồi vốn của dự án, CDB chủ động hỗ trợ chính quyền địa phương và chủ các dự án xây dựng quy hoạch tổng thể trong phát triển xã hội, công nghiệp và thị trường thông qua việc cung cấp các khoản vay hỗ trợ kỹ thuật và các dịch vụ tư vấn.

- Lựa chọn dự án: Chính quyền địa phương lựa chọn một số dự án phù hợp với chính sách của chính phủ và chiến lược phát triển của địa phương để đề

xuất với CDB để vay vốn. Sau khi xem xét một số nhân tố như: sự phát triển kinh tế của địa phương, khả năng tài chính, khả năng trả nợ, xếp hạng tín dụng, CDB quyết định hạn mức tín dụng cho các dự án được đề xuất này.

- Hỗ trợ dự án: Thông qua kinh phí và chính sách của chính quyền địa phương, CDB giúp các chủ dự án hoàn thiện cơ cấu quản trị, tư cách pháp lý, dòng tiền và mức độ tín nhiệm. Điều này giúp các chủ dự án nâng cao được khả năng tài chính, khả năng quản trị.

- Đầu ra của dự án: dựa vào sự kỳ vọng, đánh giá dòng tiền tương lai của dự án và bản chất việc sử dụng vốn vay, CDB sẽ lựa chọn các phương thức thu nợ khác nhau như: thu nợ thông thường, thu nợ bằng hình thức mua cổ phiếu, trái phiếu của doanh nghiệp.

Kinh nghiệm của Ngân hàng Phát triển Nhật Bản (JDB) trong cho vay phát triển năng lượng tái tạo

JDB là Ngân hàng chính sách trực thuộc Chính phủ Nhật Bản với chức năng cấp tín dụng Nhà nước cho các lĩnh vực mà Nhà nước cần phát triển. Trong bối cảnh hướng tới phát triển bền vững, phát triển năng lượng tái tạo là một trong những mục tiêu mà Chính phủ Nhật Bản đề ra để hướng tới chống biến đổi khí hậu. Do vậy, JDB là ngân hàng đi đầu, mang tính dẫn dắt thị trường ngân hàng tại Nhật Bản trong hỗ trợ tín dụng đối với năng lượng tái tạo. Tính đến 31/3/2020, JDB đã cấp 3,4 tỷ Yên Nhật [3] cho các dự án thuộc lĩnh vực này. Theo quy hoạch của Nhật Bản, đến năm 2030, năng lượng tái tạo chiếm khoảng 22% - 24% năng lượng của đất nước [3]. Để thực hiện được mục tiêu này, bên cạnh việc hỗ trợ khách hàng về vốn, JDB tập trung cung cấp các dịch vụ tư vấn về tài chính để tái cấu trúc lại ngành năng lượng tái tạo. Thêm vào đó, với vai trò là ngân hàng đi đầu, có nhiều kinh nghiệm trong thẩm định và quản lý các dự án năng lượng tái tạo, JDB kết hợp với các TCTD khác trên thị trường để thực hiện cho vay hợp vốn với các dự án này; đồng thời, hỗ trợ các TCTD này trong thẩm định và quản lý các dự án này. Bằng cách tăng cường đầu tư vào năng lượng tái tạo, JDB tạo thị trường để các TCTD khác tham gia cấp tín dụng cho các dự án này. Đồng thời, để tạo nguồn vốn trung dài hạn phục vụ các dự án năng lượng tái tạo, JDB thực hiện phát hành trái phiếu xanh. Trong giai đoạn 2014 - 2019, JDB đã phát hành khoảng 4 tỷ USD trái phiếu xanh [3].

5. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng hoạt động và kinh nghiệm quốc tế trong nâng cao chất lượng hoạt động của các Ngân hàng Phát triển, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của VDB như sau:

Thứ nhất, về mô hình tổ chức

VDB cần nhắc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng thành viên của VDB. Bộ phận này có chức năng kiểm toán nội bộ, độc lập với chức năng hàng ngày của VDB và có thể tiếp cận với tất cả các hoạt động ngân hàng thực hiện, bao gồm các hoạt động ở hội sở chính, sở giao dịch và các chi nhánh. Việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc ngân hàng đảm bảo mô hình quản trị rủi ro theo 3 vòng kiểm soát. Bộ phận kiểm toán nội bộ đóng vai trò là vòng kiểm soát thứ ba, góp phần đáng kể trong việc kiểm soát rủi ro cũng như đưa ra cảnh báo sớm về rủi ro cho các Ngân hàng. Từ đó, nâng cao khả năng kiểm soát rủi ro cho VDB.

Thứ hai, về hoạt động nghiệp vụ

- VDB cần đa dạng hóa sản phẩm tín dụng gồm: tín dụng trung, dài hạn đầu tư cho tài sản cố định, tín dụng ngắn hạn tài trợ cho vốn lưu động. Việc cung cấp đồng thời tín dụng ngắn hạn và trung, dài hạn giúp VDB kiểm soát tốt hơn dòng tiền của dự án. Bên cạnh đó, VDB cần nhắc cung cấp các hợp đồng bảo lãnh ngắn hạn (bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh tạm ứng...) cũng như các sản phẩm kinh doanh ngoại tệ bởi lẽ đối với dự án đầu tư trung, dài hạn, khách hàng có nhu cầu sử dụng nhiều loại dịch vụ ngân hàng nên việc VDB đa dạng hóa sản phẩm tín dụng tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng khi triển khai dự án và tăng nguồn thu cho VDB.

- Tăng cường hoạt động cho vay hợp vốn giữa VDB và các TCTD khác đối với các dự án lớn để giảm thiểu rủi ro tín dụng cho VDB, đồng thời, tăng cường việc kiểm tra, giám sát sau sử dụng vốn đối với dự án.

- VDB cần nhắc đề nghị Chính phủ cho phép đầu tư trái phiếu của các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực tài trợ. Đây là một trong những nghiệp vụ hỗ trợ vốn trung dài hạn cho các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư của một số Ngân hàng Phát triển trên Thế giới như: Ngân hàng phát triển Trung Quốc, Ngân hàng phát triển Nhật Bản...

Thứ ba, tư vấn hỗ trợ khách hàng, chính quyền địa phương

Nghiên cứu kinh nghiệm của CDB có thể thấy,

VDB xem xét, cân nhắc cơ chế, quy trình cấp tín dụng. Theo đó, để thực hiện phát triển đồng bộ, giảm sự trùng lặp giữa các dự án hoặc dư thừa đầu ra đối với các dự án sản xuất kinh doanh (các ngành sản xuất, chế biến, năng lượng...), VDB cần nhắc làm việc và hỗ trợ chính quyền các địa phương xây dựng quy hoạch tổng thể cho từng ngành, nghề, lĩnh vực; từ đó, lựa chọn các dự án hiệu quả, khả thi. Chẳng hạn như: đối với cho vay với lĩnh vực điện năng lượng tái tạo, VDB xem xét làm việc với chính quyền địa phương về quy hoạch tổng thể, khả năng truyền tải điện, tránh tình trạng lượng điện sản xuất ra không được EVN mua hết, từ đó ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng. Đồng thời, bên cạnh việc cấp tín dụng, VDB xem xét việc hỗ trợ tư vấn khách hàng hoàn thiện cơ cấu quản trị, dòng tiền, và nâng cao mức độ tín nhiệm.

Thứ tư, phát hành trái phiếu xanh

VDB xem xét phát triển trái phiếu xanh phục vụ cho năng lượng tái tạo. Đây là giải pháp đã được các định chế tài chính quốc tế lớn (WB, IFC, ADB,...) cũng như JDB thực hiện thành công trong thời gian qua. Việc phát hành trái phiếu xanh giúp VDB gia tăng nguồn vốn trung dài hạn phục vụ cho các dự án năng lượng tái tạo. □

Tài liệu tham khảo

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2015- 2018), *Báo cáo thường niên*.
2. China Development Bank (2019), Annual report.
3. Japan Development Bank (2019), Annual report.
4. Website: www.vdb.gov.vn

TƯƠNG DƯƠNG TRONG DỊCH THUẬT NGỮ...

(Tiếp theo trang 84)

8. Mildred L. Larson (1998), *Meaning-based translation- A Guide to Cross-Language Equivalence 2nd*, University Press of America, Inc. Lanham.
9. Nida, E and Taber. C (1969), *The theory and Practice of Translation*, Leiden: E. J. Brill.
10. Vinay, J. P and Darbelnet J. (1958, 2nd edition 1977), J. Sager and M. J. Hamel's translation (1995), *Comparative Stylistics of French and English: a Methodology for Translation*, Amsterdam and Philadelphia, PA: John Benjamins.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Bùi Thế Cường (2010), *Từ điển xã hội học Oxford (Oxford dictionary of sociology)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Gunter Endruweit, Gisela Trommsdorff - Ngụy Hữu Tâm, Nguyễn Hoài Bảo (2002), *Từ điển xã hội học*, NXB Thế giới.
3. Nguyễn Khắc Viện (1995), *Từ điển xã hội học*, NXB Lao động.